TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 22 -02-2023
"V/v *Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh T Hùng;

2. Bà Văng Thảo Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2021/TLST-DS ngày 17/5/2021 về việc "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-DS ngày 29/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST-DS ngày 08/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2022/QĐST-DS ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1951. Nơi cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn H: Bà Lê Hồ Bích H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh An Giang; Địa chỉ: Đường K, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị N: Anh Đặng T S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; theo giấy ủy quyền ngày 18/10/2022; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn A, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang.

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn A: Bà Phan Thị T, sinh năm 1963 theo giấy ủy quyền ngày 03/12/2021; có mặt.

+ Bà Lương Thị G, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2021 nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Cha mẹ ông là ông Phan Văn E, sinh năm 1931 (chết 1999), mẹ bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1929 (chết 1994). Ông, bà có sinh được 07 người con gồm: Phan Văn I, Phan Văn H, Phan Thị N, Phan Thị P, Phan Văn A, Phan Thị Â và Phan Thị T.

Theo ông H thì cha, mẹ ông có diện tích đất ngang 20m, dài 20m nằm cặp bờ sông tiền, thuộc xã X. Đất này khi cha mẹ còn sống có chia đều cho 04 người con mỗi người 01 nền bằng 100 m^2 ngang 5m, dài 20m gồm: Phan Văn H, Phan Văn A, Phan Thị N và Phan Thị T. Thời gian cha, mẹ chia đất là năm 1976 các con đều cất nhà ở, năm 1979 chiến tranh Cam PuChia tản cư nhà bị cháy, cuối năm 1979 giải phóng anh em ông về tiếp tục cất nhà ở. Năm 2004 do bờ sông sạc lở nên các anh, chị em ông được bố trí vào tuyến dân cư, riêng ông H được cấp nhà tình nghĩa tại tuyến dân cư xã X, từ đó đến nay ông H không sử dụng nền đất cha, mẹ cho. Năm 2018 ông H vào trồng xoài và làm hàng rào tre bao quoanh trên nền đất của ông, năm 2020 bà Phan Thị N vào chặt cây và phá bỏ hàng rào mà ông H đã trồng và rào. Bà N đem lưới B40 rào hết 400 m^2 ông H, ông A và bà T, bà N đến UBND xã X kê khai quyền sử dụng đất toàn bộ khu đất trên. Ông H yêu cầu bà N trả lại 100 m^2 đất nền nhà mà cha, mẹ đã cho ông và bồi hoàn thiệt hại việc bà N chặc phá xoài của ông H là 3.500.000 đồng.

- Anh Đặng T S là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N trình bày: không đồng ý theo yêu cầu của ông H với lý do. Đất này bà N nhận chuển nhượng của bà Phan Thị Nh vào ngày 12/8/1989, việc sang nhượng có làm giấy tay và có con bà Nh là Phan Văn P ký, diện tích đất chuyển nhương ngang 10m, dài 17m với số tiền chuyển nhượng là 20.000.000 đồng. Cây trên đất ông H không có trồng, bà N không chặt phá.

- Bà Phan Thị T và ông Phan Văn A đều trình bày: Cha mẹ ông, bà là ông Phan Văn E, sinh năm 1931 (chết 1999), mẹ bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1929 (chết 1994) có tạo lập được diện tích ngang 20m, dài 20m bằng 400 m^2 đất tọa lạc tại xã X và chia đều cho 04 người con gồm Phan Văn H, Phan Thị N, Phan Văn A và Phan Thị T mỗi người 100 m^2 . Việc tranh chấp giữa ông Phan Văn H với bà

Phan Thị N ông A với bà T có yêu cầu bà Phan Thị N trả lại cho bà T và ông A mỗi người một nền đất ngang 5m, dài 20m.

- Bà Lê Thị G trình bày: Bà với ông H cưới nhau vào năm 1980 và sống từ đó đến nay, bà Giêng thống nhất lới trình bày và yêu cầu của ông Hạp.

- Ông Phan Văn P trình bày: Vào ngày 12/8/1989 mẹ ông là Phan Thị Nh có làm giấy tay bán cho bà Phan Thị N một miếng đất nằm ngay ấp chiến lược thuộc xã X chiều ngang 10m, dài 17m với giá 20.000.000 đồng, trong tờ giấy bán đất ngày 12/8/1989 ông P có ký tên và bà N trả tiền đủ, bà N nhận đất sử dụng từ đó đến nay. Đến năm 1991 thì bà Nh chết. Tổng diện tích chỗ bán cho bà N, đất này của ông ngoại ông là Phan Văn Q để lại rất nhiều, chị em mẹ ông P chia với nhau, trong đó nhà nước lấy làm trường học chiều ngang 49m, dài 49m phần còn lại mẹ ông bán cho bà Phan Thị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn H: Bà Lê Hồ Bích H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H, công nhận phần diện tích 133,1 m^2 cho ông Phan Văn H.

Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ số 11/TB-TA ngày 13/01/2022 và thông báo số 12/TB-TA ngày 13/01/2022 cho ông Phan Văn A và bà Phan Thị T nhưng ông A và bà T không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

Trong quá trình tố tụng Tòa án cùng với Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T tiến hành xem xet, Thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2021 như sau: Diện tích khoản 400 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang. Trên đất có các vật kiến trúc, cây cối: 01 căn nhà do bà Phan Thị N đang quản lý, sử dụng, bà N khai bà xây dựng có diện tích ngang 5,1m, dài 9m, kết cấu vách tole, mái tole, khung sắt + gỗ tạp, nền tráng xi măng. 04 cây dừa 10 năm tuổi đang cho trái do bà N trồng, 03 cây xoài 05 năm tuổi đang cho trái do bà N trồng, hàng rào lưới B40 cao 1,5m, dài 19m, 06 cột sắt 8cm X 8cm bà N rào.

Biên bản xác minh ngày 24/02/2022 lãnh đạo Văn phòng xã X cung cấp thông tin: Nền đất đang tranh chấp giữa ông Phan Văn H và bà Phan Thị N. Trước đây ông H có xây cất 01 căn nhà nhỏ kết cấu khung tre, lợp lá. Ông H xây dựng vào năm nào và đến khi nào ông H dỡ đi thì địa phương không nắm. Kế đó con ông H tên Phan Văn T vào cất căn nhà nhỏ kết cấu khung tre, lợp lá trên nền đất mà ông H dỡ nhà đi. Đến năm 2009 đất bị sạt lở nhà nước xét khiếu nại của ông H nên cấp cho Phan Văn T 01 nền tại khu dân cư L, xã X đến năm 2013 T nhận nền và cất nhà ở đến nay. Vào thời điểm ông H cất nhà thì không có nhà của bà Phan Thị T nên bà T không được xét cấp nền. Ông Phan Văn A có cất 01 căn nhà nhỏ nên ông A cũng được xét cấp nền tại khu dân cư L. Sau khi các hộ nằm trong khu sạt lở được xét cấp nền thì đất nằm trong khu sạt lở do UBND xã X, thị xã T quản lý. Về nguồn gốc tranh chấp không biết của ai vì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với xoài trên đất thì có nghe ông H nói có trồng nhưng trồng bao nhiêu cây, vào thời gian nào và ai chặt thì ấp không nắm, ấp có thấy xoài ông H nói chiều cao mỗi cây khoảng 40-50 cm. Ngoài ra ấp cũng không nắm gì thêm.

- Công văn số 1427/UBND-NC ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã T ý kiến như sau: Diện tích 100 m^2 (ngang 5, dài 20m) đất tọa lạc tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, theo kết quả đo đạc ngày 09/7/2021 của VPĐKĐĐ chi nhánh T: Thửa tạm số 10 (theo điểm mia số 16,17,18,19) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06924 do Sở Tài Nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 16/4/2021, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22 do ông Dương Văn G đứng tên. Thửa đất tạm số 13, thửa đất số 84 (theo điểm mia 6,7,8,5,19,16,8) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất: Quy hoạch loại đất ở nông thôn (ONT). Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp giấy khi người đang sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định tại các điều 100, 101 và 102 của Luật Đất Đai năm 2013.

Bà N cung cấp "giấy bán đất" ngày 12/8/1989, bên bán là Phan Thị Nh, con là Phan Văn P, bên mua bà Phan Thị N. Nội dung bà Nh có bán cho bà N diện tích ngang 10m, dài 17m với giá 20.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng, xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Phan Văn H đã chi tạm ứng tổng số tiền 3.938.480 đồng trong đó chi cụ thể sau: Xem xét, thẩm định tại chổ ngày 09/11/2021 số tiền 700.000 đồng, chi không xem xét, thẩm định được ngày 25/6/2021 số tiền 300.000 đồng, ký hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T số tiền 2.438.480 đồng ngày 16/12/2021, chi định giá ngày 07/3/2022 số tiền 500.000 đồng.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông H và anh Sâm giữ nguyên yêu cầu và quan điểm.

Ông H, xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh Sâm, bà T không cung cấp chứng cứ.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ: Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ: Biên bản không lấy được lời khai của ông Dũng và bà Sự ngày 18/3/2021 và ngày 02/12/2021 (BL 248, 246), ông văn số 1745/UBND-NC ngày 13/10/2022 của UBND thị xã T (BL 289), sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T đo vẽ ngày 30/10/2020 (BL 192), biên bản lấy lời khai của ông Trà Văn T ngày 20/3/2020 và ngày 27/7/2022, Biên bản lấy lời khai ông Lương Văn N (người làm chứng) ngày 20/4/2020, biên bản lấy lời khai của ông Trà Văn D và bà Ngô Thị S.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H về việc yêu cầu bà Phan Thị N trả lại phần diện tích đất 100m^2, tháo dỡ hàng rào lưới B40, bồi thường cho gia đình số tiền 3.500.000đồng và yêu cầu được công nhận QSDĐ diện tích 100m^2 đất tọa lạc tại xã X, thị xã T (kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T đo vẽ ngày 10/12/2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra, qua tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "*tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản*" theo quy định tại khoản 2 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Phan Thị N, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, đương sự được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: bà Phan Thị N có ủy quyền cho anh Đặng Thanh X làm đại diện, ông Phan Văn A ủy quyền cho bà Phan Thị T làm đại diện là hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Ngày 02/6/2021 bà Phan Thị N ủy quyền cho anh Phan Văn G làm đại diện, nhưng ngày 18/10/2022 bà N đã có đơn chấm dứt ủy quyền cho anh Giang. Do đó, anh Phan Văn G không còn tư cách đại diện ủy quyền của bà Phan Thị N trong vụ án.

Vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản giữa các đồng nguyên đơn ông Phan Văn H, bị đơn bà Phan Thị N sự việc có xảy ra thực tế được pháp luật xem xét.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phan Văn H, yêu cầu bà Phan Thị N phải có trách nhiệm trả lại cho ông H diện tích ngang 5m, dài 20m = 100 m^2 đất chưa được cấp quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang với lý do cha, mẹ có diện tích đất ngang 20m, dài 20m nằm cặp bờ sông tiền, thuộc xã X. Đất này khi cha mẹ còn sống có chia đều cho 04 người con mỗi người 01 nền bằng 100 m^2 ngang 5m, dài 20m gồm: Phan Văn H, Phan Văn A, Phan Thị N và Phan Thị T. Thời gian cha, mẹ chia đất là năm 1976 các con đều cất nhà ở, năm 1979 chiến tranh Cam PuChia tản cư nhà bị cháy, cuối năm 1979 giải phóng anh em ông về tiếp tục cất nhà ở. Năm 2004 do bờ sông sạt lở nên các anh, chị em ông được bố trí vào tuyến dân cư, riêng ông H được cấp nhà tình nghĩa tại tuyến dân cư lô hàng me xã X, từ đó đến nay ông H không sử dụng nền đất cha, mẹ cho.

Ông Đặng T S đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị N không đồng ý theo yêu cầu của ông H với lý do. Đất này bà N nhận chuển nhượng của bà Phan Thị Nh

vào ngày 12/8/1989, việc sang nhượng có làm giấy tay và có con bà Nh là Phan Văn P ký, diện tích đất chuyển nhương ngang 10m, dài 17m với số tiền chuyển nhượng là 20.000.000 đồng.

- Ông Phan Văn P trình bày: Vào ngày 12/8/1989 mẹ ông là Phan Thị Nh có làm giấy tay bán cho bà Phan Thị N một miếng đất nằm ngay ấp chiến lược thuộc xã X chiều ngang 10m, dài 17m với giá 20.000.000 đồng, trong tờ giấy bán đất ngày 12/8/1989 ông P có ký tên và bà N trả tiền đủ, bà N nhận đất sử dụng từ đó đến nay. Đến năm 1991 thì bà Nh chết. Tổng diện tích chỗ bán cho bà N, đất này của ông ngoại ông là Phan Văn Q để lại rất nhiều, chị em mẹ ông P chia với nhau, trong đó nhà nước lấy làm trường học chiều ngang 49m, dài 49m phần còn lại mẹ ông bán cho bà Phan Thị N.

Ông H yêu cầu nhưng ông H không đưa ra được chứng cứ về nguồn gốc đất và thời gian ông xây dựng nhà ở trên đất. Công văn số 1427/UBND-NC ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã T ý kiến như sau: Diện tích 100 m^2 (ngang 5, dài 20m) đất tọa lạc tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang, theo kết quả đo đạc ngày 09/7/2021 của VPĐKĐĐ chi nhánh T: Thửa tạm số 10 (theo điểm mia số 16,17,18,19) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06924 do Sở Tài Nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 16/4/2021, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22 do ông Dương Văn G đứng tên. Thửa đất tạm số 13, thửa đất số 84 (theo điểm mia 6,7,8,5,19,16,8) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất: Quy hoạch loại đất ở nông thôn (ONT). Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp giấy khi người đang sử dụng đất có đủ điều kiện theo quy định tại các điều 100, 101 và 102 của Luật Đất Đai năm 2013.

Như vậy, thửa tạm số 10 (theo điểm mia số 16,17,18,19) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06924 do Sở Tài Nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 16/4/2021, thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22 do ông Dương Văn G đứng tên, diện tích 10,1 m^2 ông H yêu cầu diện tích đất đã phủ trùm qua đất anh Giang đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng, không được chấp nhận. Thừa tạm 85, diện tích 61,9 m^2 thửa tạm 13 diện tích 0,4 m^2 và thửa tạm 14 diện tích 22,7 m^2. Trong các thửa tạm trên thì thửa tạm 14 nằm trên đường đất (đường đi).

Tòa án tiến hành làm việc với những người mà ông H cung cấp gồm ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị P, bà Trương Thị P, ông Huỳnh Văn C, những người này chỉ biết trước đây ông H có cất căn nhà tre lá ngang khoảng 3,5m, dài 6 – 7m, còn về nguồn gốc đất và đất của ai thì họ không biết.

Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "quyền đòi lại tài sản: Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật"

Như vậy về nguồn gốc đất này là của bà Phan Thị Nh. Do bà Phan Thị N chuyển nhượng và có làm giấy tay. Tại phiên Tòa hôm nay ông H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đất này của cha, mẹ ông để lại.

Do đó, ông Phan Văn H yêu cầu bà Phan Thị N trả lại diện tích đất 100 m^2 là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Phan Văn H yêu cầu bà Phan Thị N bồi hoàn 3.500.000 đồng do bà N chặt 18 cây xoài ông H trồng vào năm 2018. Tại biên bản xác minh ngày 24/02/2022 Văn phòng xã X, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Đối với xoài trên đất thì có nghe ông H nói có trồng nhưng trồng bao nhiêu cây, vào thời gian nào và ai chặt thì ấp không nắm, ấp có thấy xoài ông H nói chiều cao mỗi cây khoảng 40-50 cm. Ngoài ra ấp cũng không nắm gì thêm. Ngoài ra ông H không cung cấp được chứng cứ xoài bao nhiêu cây, trồng vào thời gian nào, do ai chặt. Do đó, ông H yêu cầu bà N bồi hoàn 3.500.000 đồng là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Đề nghị công nhận cho ông H diện tích đất 133,1 m^2 là không có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu 100 m^2 nhưng người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị diện tích cao hơn là vượt yêu cầu khởi kiện.

Ông Phan Văn A với bà Phan Thị T có trình bày yêu cầu bà Phan Thị N trả lại mỗi người diện tích ngang 5m, dài 20m. Tòa án đã ra thông báo về việc yêu cầu cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 11/TB-TA ngày 13/01/2022 và thông báo số 12/TB-TA ngày 13/01/2022 cho ông Phan Văn A và bà Phan Thị T nhưng ông A và bà T không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết đối với trình bày và yêu cầu của bà Phan Thị T và ông Phan Văn A, ông A do bà T làm đại diện theo ủy quyền. Nếu ông A và bà T với bà N không thỏa thuận được với nhau thì ông Phan Văn A và bà Phan Thị T có quyền khởi kiện bà Phan Thị N Tòa án yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

- Về chi phí đo đạc, xem xét, Thẩm định và định giá tài sản: Ông Phan Văn H đã chi tạm ứng tổng số tiền 3.938.480 đồng trong đó chi cụ thể sau: Xem xét, thẩm định tại chổ ngày 09/11/2021 số tiền 700.000 đồng, chi không xem xét, thẩm định được ngày 25/6/2021 số tiền 300.000 đồng, ký hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T số tiền 2.438.480 đồng ngày 16/12/2021, chi định giá ngày 07/3/2022 số tiền 500.000 đồng. Do ông Phan Văn H không được chấp nhận yêu cầu nên ông H phải tự chịu số tiền 3.938.480 đồng. Đã chi xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H là người cao tuổi, là thương binh và ông có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên đã được xét miễn toàn bộ.

Bà Phan Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H yêu cầu bà Phan Thị N do anh Đặng T S làm đại diện theo ủy quyền trả lại cho ông H 100 m^2 đất tọa lạc tại xã X, thị xã T, tỉnh An Giang. (kèm theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T đo vẽ ngày 10/12/2021)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn H yêu cầu bà Phan Thị N do anh Đặng T S làm đại diện theo ủy quyền bồi hoàn cho ông H 3.500.000 đồng tiền cây xoài bị thiệt hại.

- Về chi phí đo đạc, xem xét, Thẩm định và định giá tài sản: Ông Phan Văn H phải chịu số tiền 3.938.480 đồng (ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H được miễn toàn bộ.

- Bà Phan Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự.

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA

Ngô Thế Minh